

KẾ HOẠCH
Phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và cải cách hành chính
thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Chương trình hành động số 32-CTr/TU, ngày 24/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 06/03/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các Tổ Công tác chỉ đạo việc thực hiện tăng trưởng kinh tế của tỉnh An Giang.

Tổ Công tác số 01¹ xây dựng Kế hoạch chi tiết tập trung triển khai thực hiện nhằm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh An Giang năm 2025 như sau:

¹ Theo dõi chỉ đạo lĩnh vực đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số và cải cách hành chính

I. Mục tiêu

Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và cải cách hành chính thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2025; trong đó, tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm đạt kết quả cao nhất, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2025.

II. Nội dung thực hiện

1. Về đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tham mưu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh An Giang năm 2025
- Cân đối bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Triển khai thực hiện Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025.
- Tổ chức thực hiện hiện Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa An Giang và Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hợp tác với các viện, trường, các doanh nghiệp trong nước; thành lập tổ chuyên gia tư vấn về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Kêu gọi đơn vị có thế mạnh về lĩnh vực giáo dục khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyển đổi số tham gia đầu tư, phát triển các hệ thống cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai kêu gọi đầu tư dự án Khu nông nghiệp công nghệ cao tỉnh An Giang (mở rộng trên nền Trung tâm Công nghệ sinh học).
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang.
- Xây dựng đề án nâng cao năng lực cho 02 Trung tâm: Trung tâm Công nghệ sinh học và Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số.
- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp bằng các hình thức: tổ chức các phiên kết nối cung cầu công nghệ; tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị; thực hiện dự án hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; sở hữu trí tuệ; kinh tế số; ...
- Triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu tỉnh để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp của tỉnh phục vụ Chuyển đổi số.

- Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại Công văn số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết Thủ tục hành chính tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì (tại Kế hoạch 199/KH-UBND ngày 14/03/2025 về triển khai Đề án 06/CP năm 2025).

- Xây dựng Kế hoạch/Đề án/Chương trình về chuyển đổi số tỉnh An Giang.

- Xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về chuyển đổi số; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; kêu gọi các doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai nền tảng số thúc đẩy hợp tác giữa nông dân - nông dân, Hợp tác xã - Hợp tác xã; liên kết giữa doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị nông sản bền vững. Truy xuất nguồn gốc nông sản. Cấp mã số vùng trồng. Quản lý phát thải khí nhà kính. Tính toán tín chỉ carbon và dấu chân carbon.

- Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.

- Triển khai thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh.

- Triển khai Đề án chuyển đổi số, bệnh án điện tử tại một số Bệnh viện đủ điều kiện của tỉnh.

- Triển khai đăng ký, cấp chữ ký số cho các cơ sở y tế, cán bộ, nhân viên y tế; cơ sở giáo dục, công chức, viên chức ngành giáo dục.

- Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế, bảo đảm an ninh tiền tệ theo Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; nâng cao hiệu quả công tác quản lý đăng ký thành lập doanh nghiệp, công tác quản lý thuế, tăng cường công tác quản lý hóa đơn điện tử, kịp

thời xử lý hành vi sử dụng hóa đơn điện tử bất hợp pháp và sử dụng bất hợp pháp hóa đơn điện tử.

- Xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số.

- Đào tạo, bồi dưỡng tăng cường kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; ưu tiên về ứng dụng và khai thác trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công việc.

- Triển khai sâu rộng phong trào "học tập số" thường xuyên, liên tục cho cộng đồng thông qua các kênh truyền thông, ứng dụng công dân số, Tổ Công nghệ số cộng đồng, phong trào "bình dân học vụ số", ...

(Đính kèm phụ lục 01)

2. Về cải cách hành chính

- Tham mưu thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy của tỉnh tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*" và chỉ đạo của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy.

- Phối hợp triển khai hiệu quả các kế hoạch nâng cao các chỉ số hành chính về PAR-Index; Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công (PAPI); Chỉ số CCHC (PAR Index); Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT (ICT); Chỉ số năng lực; cắt giảm thủ tục hành chính và phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan đơn vị.

- Rà soát, đánh giá các Sở, ban, ngành và địa phương về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để đề xuất khen thưởng, phê bình, kiểm điểm phù hợp.

- Thực hiện chỉ tiêu về thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử:

- + Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt 60%.

- + Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt 100%.

- + Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 80%.

- + Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

- + Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt tối thiểu 50%.

- + Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 60%.

+ Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa các cơ quan, địa phương đạt 100%.

+ Tỷ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép đạt 50%.

+ Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%.

+ Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử đạt 100%.

+ Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử đạt 100%.

+ Tỷ lệ công chức, viên chức làm việc trên môi trường mạng là 100%.

+ Đưa nội dung hướng dẫn học sinh thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình trong lĩnh vực giáo dục và các lĩnh vực thiết yếu vào các trường trung học.

- Đẩy mạnh số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

(Đính kèm phụ lục 01)

III. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này do ngân sách nhà nước đảm bảo, trên cơ sở lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, dự án của các Sở, ban, ngành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Tổ trưởng

Chịu trách nhiệm chỉ đạo chung các vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các lĩnh vực được phân công phụ trách. Trực tiếp chỉ đạo giải quyết, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức thực hiện các lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Các Tổ phó

Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại phụ lục 02. Chủ động phối hợp với các thành viên tổng hợp tham mưu, báo cáo các lĩnh vực hoạt động của Tổ; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban, ngành và địa phương trong việc thực hiện các ý kiến chỉ đạo, kết luận của Tổ trưởng trong việc thực thi nhiệm vụ của các Thành viên được phân công, đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

3. Các Thành viên

Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại phụ lục 02. Chủ động rà soát,

theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, định kỳ báo cáo Tổ phó Thường trực Tổ Công tác trước ngày 15 hàng tháng hoặc đột xuất khi có yêu cầu của Tổ trưởng.

4. Lãnh đạo các Sở, ban, ngành tỉnh

Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại các phụ lục 01 này và báo cáo tiến độ trước ngày 15 hàng tháng về Tổ phó Thường trực tổ công tác để tổng hợp báo cáo Tổ trưởng theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Các thành viên Tổ số 01 được thành lập theo Quyết định số 297/QĐ-UBND;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P. KTĐT;
- Lưu: VT.

TỔ TRƯỞNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Hồ Văn Mừng

PHỤ LỤC 01
BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-TCT01 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Tổ Công tác số 1)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả
I	Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
1	Tham mưu ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ; thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp; Sở Tài chính và các Sở ngành liên quan	3/2025	7/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh
2	Cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh An Giang năm 2025					
2.1	Xây dựng Kế hoạch Cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh An Giang năm 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ngành liên quan		Tháng 3/2025	Kế hoạch của UBND tỉnh
2.2	Báo cáo kết quả Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh An Giang gửi Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ngành liên quan		Tháng 10/2025	Báo cáo của UBND tỉnh
3	Cân đối bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương năm 2025	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở			

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả
	cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.		<i>ngành liên quan</i>			
4	Hỗ trợ phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giảng viên nguồn; kiến thức hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ngành liên quan	3/2025	12/2025	Báo cáo kết quả thực hiện
5	Tổ chức thực hiện hiện Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa An Giang và TP. Hồ Chí Minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ngành liên quan			
5.1	<i>Hợp tác kết nối, mời gọi đầu tư Khu Nông nghiệp công nghệ cao tỉnh An Giang</i>			6/2025	<i>Năm 2025 và các năm tiếp theo</i>	<i>Báo cáo kết quả thực hiện</i>
5.2	<i>Hợp tác, nghiên cứu xây dựng các quy trình công nghệ chế biến đa dạng hóa sản phẩm sau thu hoạch phù hợp với điều kiện của địa phương</i>			4/2025	<i>Năm 2025 và các năm tiếp theo</i>	<i>Báo cáo kết quả thực hiện</i>
5.3	<i>Hợp tác chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ; trao đổi kết nối công nghệ giữa khu vực nghiên cứu và khu vực sản xuất; nhu cầu hợp tác, nhận chuyển giao phục vụ ứng dụng và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp</i>			4/2025	<i>Năm 2025 và các năm tiếp theo</i>	<i>Báo cáo kết quả thực hiện</i>
5.4	<i>Kết nối dữ liệu Sàn giao dịch công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh với</i>			4/2025	<i>Năm 2025 và</i>	<i>Báo cáo kết quả thực hiện</i>

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả
	<i>Trung thông tin điện tử của Sở khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang</i>				<i>các năm tiếp theo</i>	
6	Hợp tác với các viện, trường, các doanh nghiệp trong nước về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ngành liên quan	4/2025	<i>Năm 2025 và các năm tiếp theo</i>	Biên bản ghi nhớ/Kế hoạch
7	Thành lập tổ chuyên gia tư vấn về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ngành liên quan	3/2025	4/2025	Quyết định của UBND tỉnh
8	Kêu gọi đơn vị mạnh về lĩnh vực giáo dục khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyển đổi số tham gia đầu tư, phát triển các hệ thống cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở ngành liên quan	4/2025	<i>Năm 2025 và các năm tiếp theo</i>	Đề án/phương án kêu gọi đầu tư
9	Thực hiện các thủ tục liên quan đến xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung.	Ban Quản lý dự án tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở ngành liên quan	4/2025	12/2025	Hoàn thành các thủ tục đầu tư
10	Xây dựng đề án nâng cao năng lực cho 02 Trung tâm: Trung tâm Công nghệ sinh học và Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các Sở ngành liên quan	3/2025	9/2025	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả
11	Tập trung hỗ trợ cho doanh nghiệp các hình thức: tổ chức các phiên kết nối cung cầu công nghệ; tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị; thực hiện dự án hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; sở hữu trí tuệ; kinh tế số; ...	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các Sở ngành liên quan	4/2025	12/2025	Báo cáo kết quả thực hiện
12	Triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025 và các năm tiếp theo	12/2028	
13	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Ban quản lý Khu kinh tế	Năm 2025	12/2025	
14	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025	
15	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại Công văn số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	6/2025	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả
	quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì (tại Kế hoạch 199/KH-UBND ngày 14/03/2025 về triển khai Đề án 06/CP năm 2025)					
16	Xây dựng Kế hoạch/ Đề án/ Chương trình về chuyển đổi số tỉnh An Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	
17	Triển khai Trung tâm điều hành thông minh tỉnh, kết nối các Trung tâm điều hành thông minh của Chính phủ, các ngành và cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	6/2025	
18	Xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về chuyển đổi số; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025	Danh mục các nhiệm vụ
19	Kêu gọi các doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025	Phương án/đề án
20	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	Năm 2025	Năm 2025	Báo cáo kết quả thực hiện
21	Triển khai nền tảng số thúc đẩy hợp tác giữa	Sở Nông nghiệp và	Sở Khoa học và Công	Năm 2025	Năm 2025	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả
	nông dân - nông dân, Hợp tác xã - Hợp tác xã; liên kết giữa doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị nông sản bền vững. Truy xuất nguồn gốc nông sản. Cấp mã số vùng trồng. Quản lý phát thải khí nhà kính, tính toán tín chỉ carbon và dấu chân carbon.	Môi trường	nghệ, các địa phương			
22	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử	Công an tỉnh, Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025	
23	Triển khai thực hiện liên thông dữ liệu sổ sức khỏe điện tử, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại, kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh	Sở Y tế	Công an tỉnh; BHXH tỉnh, các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	3/2025	
24	Triển khai Đề án chuyển đổi số, bệnh án điện tử tại một số Bệnh viện đủ điều kiện của tỉnh	Sở Y tế	Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Công an tỉnh và các địa phương	Năm 2025	Năm 2025	
25	Triển khai đăng ký, cấp chữ ký số cho các cơ sở y tế, cán bộ, nhân viên y tế; cơ sở giáo dục, công chức, viên chức ngành giáo dục	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế; Sở giáo dục và Đào tạo	Năm 2025	6/2025	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả
26	Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế, bảo đảm an ninh tiền tệ theo Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; nâng cao hiệu quả công tác quản lý đăng ký thành lập doanh nghiệp, công tác quản lý thuế, tăng cường công tác quản lý hóa đơn điện tử, kịp thời xử lý hành vi sử dụng hóa đơn điện tử bất hợp pháp và sử dụng bất hợp pháp hóa đơn điện tử.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực XVI, Sở Công Thương, Chi cục Thuế khu vực XIX; Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	
27	Xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	3/2026	
28	Công bố trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Hàng năm	
29	Đào tạo, bồi dưỡng tăng cường kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; ưu tiên về ứng dụng và khai thác trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng,	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên		Báo cáo kết quả thực hiện

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả
	hiệu quả trong công việc.					
30	Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục cho cộng đồng thông qua các kênh truyền thông, ứng dụng công dân số, Tổ Công nghệ số cộng đồng, phong trào “bình dân học vụ số”, ...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên		Báo cáo kết quả thực hiện
II	Cải cách hành chính					
1	Tham mưu thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy của tỉnh tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025	
2	Nâng cao các chỉ số hành chính về PAR-Index; Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công (PAPI); Chỉ số CCHC (PAR Index); Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT (ICT); Chỉ số năng lực.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025	Báo cáo kết quả thực hiện
3	Cắt giảm thủ tục hành chính và phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan đơn vị.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025	
4	Rà soát, đánh giá các Sở, ban, ngành và địa phương về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để đề xuất khen thưởng, phê bình, kiểm điểm phù hợp	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	Năm 2025	
5	Thực hiện chỉ tiêu về thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả
	hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử					
5.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt 60%.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện
5.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt 100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện
5.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 80%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện
5.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện
5.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt tối thiểu 50%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện
5.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 60%.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện
5.7	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa các cơ quan, địa phương đạt 100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện
5.8	Tỷ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép đạt 50%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả
5.9	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện
5.10	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử đạt 100%.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện
5.11	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử đạt 100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện
5.12	Tỉ lệ công chức, viên chức làm việc trên môi trường mạng là 100%.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	6/2026		Báo cáo kết quả thực hiện
5.13	Đưa nội dung hướng dẫn học sinh thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình trong lĩnh vực giáo dục và các lĩnh vực thiết yếu vào các trường trung học	Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học An Giang, Trường Cao đẳng Y tế An Giang, Trường Cao đẳng nghề	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện
6	Đẩy mạnh số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Báo cáo kết quả thực hiện

PHỤ LỤC 02
BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ PHỤ TRÁCH
CỦA CÁC TỔ PHÓ VÀ THÀNH VIÊN TỔ

(Kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-TCT01 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Tổ Công tác số 1)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ phụ trách
1	Ông Lê Quốc Cường	Giám đốc Sở KH&CN, Tổ phó thường trực	Các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Sở Khoa học và Công nghệ tại phụ lục 01
2	Ông Nguyễn Như Anh	Giám đốc Sở Nội vụ, Tổ phó	Các nhiệm vụ chủ trì của Sở Nội vụ tại phụ lục 01
3	Ông Lê Kỳ Quang	Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Tổ phó	Các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Văn phòng UBND tỉnh tại phụ lục 01
4	Ông Trịnh Tuấn Ngọc	Giám đốc Sở Tư pháp, Thành viên	Các nhiệm vụ phối hợp của Sở Tư pháp tại phụ lục 01
5	Bà Trần Thị Ngọc Diễm	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thành viên	Nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Sở Giáo dục và Đào tạo tại phụ lục 01
6	Ông Trần Quang Hiền	Giám đốc Sở Y tế, Thành viên	Các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Sở Y tế tại phụ lục 01
7	Ông Đinh Văn Bảo	Phó Giám đốc Sở Tài chính, Thành viên	Nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Sở Tài chính tại phụ lục 01
8	Ông Phan Duy Quang	Phó Giám đốc Sở Xây dựng, Thành viên	Nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Sở Xây dựng tại phụ lục 01
9	Bà Huỳnh Thị Như Lam	Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thành viên	Các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Công an tỉnh tại phụ lục 01
10	Ông Nguyễn Minh Triết	Phó Giám đốc Sở Công Thương, Thành viên	Các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Sở Công

			Thương tại phụ lục 01
11	Ông Trần Thanh Hải	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thành viên	Các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại phụ lục 01
12	Ông Nguyễn Trí Dũng	Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XIX, Thành viên	Các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Chi cục Thuế khu vực XIX tại phụ lục 01
13	Ông Đặng Hồng Tuấn	Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Thành viên	Các nhiệm vụ phối hợp của Bảo hiểm Xã hội tỉnh tại phụ lục 01
14	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực XVI		Các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực XVI tại phụ lục 01
15	Ban quản lý dự án tỉnh		Các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Ban quản lý dự án tỉnh tại phụ lục 01
16	Công An tỉnh		Các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của Công an tỉnh tại phụ lục 01